TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-01-2022
V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.
Các *Hội thẩm nhân dân:*
Ông Nguyễn Lâm Tới;
Bà Huỳnh Thị Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa*:** Bà Neàng Sa Men.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đỗ Kim T.., sinh năm 1970, nơi cư trú: Tổ 13, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A, có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn L.., sinh năm 1975, nơi cư trú: Tổ 13, khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ghi ngày 29 tháng 11 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Đỗ Kim T.. trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Văn L.. chung sống với nhau từ năm 1989-1990, nhưng chưa đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc khoảng hơn 01 năm nay, nguyên nhân ông L.. ít lo làm ăn, thường xuyên cải vã,

hay kiếm chuyện chửi nhiều lần, đã khuyên bảo nhưng vẫn không sửa đổi, nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn L...

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Chí T.., sinh ngày 01 tháng 01 năm 1991, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết bị đơn ông Lê Văn L.. có ý kiến trình bày như sau*:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác định ông và bà T.. được gia đình tổ chức lễ cưới vào khoảng năm 1989-1990, nhưng chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng cũng không xảy ra nhiều mâu thuẫn như bà T.. trình bày, ông L.. mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Chí T.., sinh ngày 01 tháng 01 năm 1991, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án*:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Kim T.. và ông Lê Văn L.. không đăng ký kết hôn, nên không công nhận quan hệ vợ chồng; Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Chí T.., sinh ngày 01 tháng 01 năm 1991, đã trưởng thành nên không xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng quy định khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập:* Lời khai của ông Lê Văn L...

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đỗ Kim T.. vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Văn L.., cư trú tại khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Đỗ Kim T.. và ông Lê Văn L.. chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989-1990, nhưng không đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì "*Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*". Do bà T.. và ông L.. không đăng ký kết hôn, nên Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Chí T.., sinh ngày 01 tháng 01 năm 1991, đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Từ những nhận định trên, theo ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở giải quyết ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mà không công nhận quan hệ vợ chồng của bà T.. và ông L.. mới phù hợp quy định theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về án phí: Bà Đỗ Kim T.. phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông Lê Văn L.. không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Kim T.. và ông Lê Văn L...

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Chí T.., sinh ngày 01 tháng 01 năm 1991, đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Kim T.. phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N^0 0007464 ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, bà Đỗ Kim T.. đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ